

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN H

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH CAO BẰNG

Số: 06/2019/QĐST-HNGĐ

H Q, ngày 17 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân - Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 02/2019/TLST/HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đàm Thị L, sinh năm 1990;

Địa chỉ: xóm H, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nơi công tác: Trường M, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn: Anh Vương Văn H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: xóm T, thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nơi công tác: Trường THPT Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đàm Thị L và anh Vương Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ vợ chồng:

Chị Đàm Thị L và anh Vương Văn H cùng thỏa thuận nhất trí tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Chị Đàm Thị L và anh Vương Văn H cùng xác nhận Anh, Chị có 01 (Một) con chung là Vương Mạnh H (sinh ngày 29/3/2014). Anh, Chị cùng nhất trí thỏa thuận con chung Nguyễn Mạnh H cho chị Đàm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng và anh Vương Văn H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung:

Chị Đàm Thị L và anh Vương Văn H cùng xác nhận không có tài sản chung, Anh, Chị không nợ ai, cũng không có ai nợ Anh, Chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí:

Chị Đàm Thị L tự nguyện chịu án phí thuận tình ly hôn 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) (phần của Chị là 75.000đ và phần của anh Vương Văn H là 75.000đ) và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm của người thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng không có giá ngạch của anh Vương Văn H để sung công quỹ Nhà nước. Tổng cộng số tiền án phí chị Đàm Thị L phải chịu là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*), anh Vương Văn H hoàn toàn nhất trí. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) tại Biên lai số: AA/2011/000974 ngày 23/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Quảng chị Đàm Thị L không phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- UBND thị trấn X, huyện H;
- (để ghi vào Sổ hộ tịch);
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Văn Sơn